

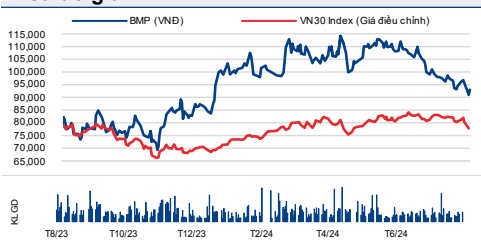
Năm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ97,100
Tiềm năng tăng/giảm: 4.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (6/8/2024)	93,000
Mã Bloomberg	BMP VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	69,438-114,141
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	93,267
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	7,613
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	303
Slg CP lưu hành (tr.đv)	81.9
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	81.9
Slg CP NN được mua (tr.đv)	13.5
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	83.5%
Tỷ lệ freefloat	33.1%
Cổ đông lớn	Nawa Plastic (55.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	5,157	4,875	5,118
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,506	1,371	1,250
LNTT (tỷ đồng)	1,307	1,175	1,026
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,041	934	816
FCF (tỷ đồng)	1,545	718	772
EPS ĐC (đồng)	12,717	11,412	9,964
DPS (đồng)	12,650	11,000	9,500
BVPS (đồng)	32,857	32,619	31,583
T.trưởng EBITDA (%)	31.4	(8.93)	(8.86)
T.trưởng EPS ĐC (%)	49.9	(10.3)	(12.7)
Tăng trưởng DPS (%)	50.6	(13.0)	(13.6)
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	29.2	28.1	24.4
Tỷ suất LNTT (%)	25.3	24.1	20.0
Tỷ suất LNT ĐC (%)	20.2	19.2	15.9
Tỷ lệ LN trả CT (%)	99.5	96.4	95.3
Nợ thuần/VCSH (%)	(26.5)	(21.5)	(20.2)
ROAE (%)	39.2	34.9	31.0
ROACE (%)	49.8	44.3	40.4
EV/doanh thu (lần)	1.10	1.20	1.16
EV/EBITDA ĐC (lần)	3.76	4.28	4.73
P/E ĐC (lần)	7.31	8.15	9.33
P/B (lần)	2.83	2.85	2.94
Lợi suất cổ tức (%)	13.6	11.8	10.2

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Nhựa Bình Minh là công ty sản xuất ống nhựa hàng đầu Việt Nam nhờ vào chất lượng sản phẩm vượt trội và thương hiệu hàng đầu cả nước.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Gặp gỡ chuyên viên phân tích: Triển vọng tích cực trong nửa cuối năm 2024

- BLĐ của BMP tự tin nhu cầu sẽ phục hồi trong nửa cuối năm 2024 nhờ thị trường BĐS phục hồi và việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công. Công ty có kế hoạch triển khai thêm các biện pháp nhằm tiết giảm chi phí để duy trì tỷ suất lợi nhuận ở mức cao.
- HSC giữ nguyên dự báo lợi nhuận thuần cho năm 2024 ở mức 934 tỷ đồng (giảm 10% so với cùng kỳ) trên doanh thu thuần 4.875 tỷ đồng (giảm 6% so với cùng kỳ). Dự báo cho thấy doanh thu thuần và lợi nhuận thuần nửa cuối năm 2024 đạt lần lượt 2.719 tỷ đồng (tăng 14% so với cùng kỳ và 26% so với nửa đầu năm) và 464 tỷ đồng (không đổi so với cùng kỳ và nửa đầu năm).
- BMP đang giao dịch với P/E dự phóng năm 2024 ở mức 8,8 lần, thấp hơn so với bình quân 7 năm ở mức 9,4 lần. Lợi suất cổ tức duy trì ở mức cao 12% trong 12 tháng tới và 10% trong năm tiếp theo. Mặc dù Công ty liên tiếp đánh mất thị phần, chúng tôi vẫn duy trì khuyến nghị Năm giữ.

Sự kiện: Tổ chức gặp gỡ chuyên viên phân tích chiều ngày 6/8/2024

BMP đã tổ chức buổi gặp gỡ với chuyên viên phân tích tại trụ sở công ty vào chiều ngày 6/8/2024. Dưới đây là một số nội dung chính:

Nhu cầu dự kiến hồi phục trong nửa cuối năm 2024

BLĐ thể hiện tâm lý lạc quan về tình hình kinh tế vĩ mô của Việt Nam trong nửa cuối năm 2024, nhờ vào việc ban hành luật nhằm hỗ trợ cho sự tăng trưởng dài hạn của thị trường BĐS. Điều này cũng phần nào hỗ trợ cho sự tăng trưởng về nhu cầu VLXD nói chung và sản phẩm ống nhựa nói riêng. Nhu cầu phục hồi cũng sẽ được hỗ trợ bởi yếu tố thời vụ vì quý 4 thường là mùa cao điểm trong năm của ngành.

Lưu ý, doanh thu thuần nửa đầu năm 2024 đạt 2.156 tỷ đồng (giảm 22% so với cùng kỳ) trên sản lượng tiêu thụ ống nhựa ước tính 35.706 tấn (giảm 24% so với cùng kỳ). Ở giai đoạn này, chúng tôi giữ nguyên dự báo lợi nhuận thuần năm 2024 ở mức 4.875 tỷ đồng (giảm 6% so với cùng kỳ), thấp hơn KHKD của BLĐ đề ra ở mức 5.540 tỷ đồng (tăng 7% so với cùng kỳ). Do đó, doanh thu thuần nửa cuối năm 2024 dự kiến đạt 2.719 tỷ đồng, tăng 14% so với cùng kỳ và 26% so với nửa đầu năm. Nhu cầu phục hồi sẽ là động lực tăng trưởng doanh thu chính trong nửa cuối năm 2024 và chúng tôi dự báo sản lượng tiêu thụ trong giai đoạn này sẽ đạt 46.894 tấn, tăng 17% so với cùng kỳ và 31% so với nửa đầu năm.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 6/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Dự báo lợi nhuận 6 tháng cuối năm 2024, BMP

HSC dự báo lợi nhuận sẽ phục hồi so với 6 tháng đầu năm, nhờ sản lượng tiêu thụ cải thiện

Tiêu chí	6 tháng cuối 2024F	% so với cùng kỳ	% so với 6T trước	2024F	Tăng trưởng
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	46,894	17.1%	31.3%	82,600	-5.0%
Giá bán bình quân (triệu đồng/tấn)	58.0	-2.5%	-4.0%	59.0	-0.5%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	2,719	14.2%	26.1%	4,875	-6.3%
Lợi nhuận thuần (tỷ đồng)	464	-0.4%	-1.3%	934	-10.3%
Tỷ suất lợi nhuận thuần (%)	17.1%			19.2%	

Nguồn: HSC

Theo quan sát của chúng tôi, nhu cầu đã phục hồi mạnh mẽ trong Q2/2024 nhờ thị trường BĐS đang ấm lên và hoạt động giải ngân đầu tư công ổn định. Đối với ngành ống nhựa nói chung, chúng tôi dự báo sản lượng tiêu thụ trong Q2/2024 đạt 90.561 tấn, tăng 11% so với cùng kỳ và 38% so với quý trước. Mặc dù đánh mất thị phần, HSC vẫn dự báo sản lượng tiêu thụ của BMP trong Q2/2024 đạt 19.696 tấn, giảm 13% so với cùng kỳ nhưng tăng 23% so với quý trước.

Khi nhu cầu bắt đầu cải thiện, Công ty đã tổ chức một chuyến du lịch cho hệ thống phân phối vào tháng 7/2024, điều này cũng sẽ giúp cải thiện nhu cầu.

Tỷ suất lợi nhuận sẽ chịu áp lực

BLĐ cho biết sẽ tiếp tục triển khai thêm các biện pháp nhằm tiết giảm chi phí vận hành để duy trì tỷ suất lợi nhuận cao trong thời gian tới dựa trên giả định giá hạt nhựa PVC (nguyên liệu chính sản xuất sản phẩm ống nhựa) sẽ ổn định ở mức này.

Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi, để thúc đẩy tăng trưởng doanh thu, Công ty cần triển khai các chương trình khuyến mãi trong nửa cuối năm 2024 bên cạnh chi phí bán hàng & quản lý tăng do tổ chức chuyến du lịch cho hệ thống phân phối trong Q3/2024.

Hạt nhựa PVC đang giao dịch với giá 870-880 USD/tấn, tăng 5% so với thời điểm cuối Q2/2024. Do hàng tồn kho đang ở mức thấp, chi phí đầu vào tăng cao. Những yếu tố này sẽ được thể hiện vào KQKD từ Q3/2024 trở đi. Đối với chiến lược giá bán cao, BMP sẽ gặp khó khăn trong việc đẩy phần chi phí tăng thêm về phía khách hàng trong giai đoạn này.

Do đó, chúng tôi dự báo tỷ suất lợi nhuận thuần sẽ giảm xuống 17,1% trong nửa cuối năm 2024, thấp hơn so với 19,8% trong nửa cuối năm 2023 và 21,8% trong nửa đầu năm 2024. Dự báo của chúng tôi cho thấy lợi nhuận thuần nửa cuối năm 2024 đạt 464 tỷ đồng, không đổi so với cùng kỳ và nửa đầu năm. Chúng tôi giữ nguyên dự báo lợi nhuận thuần năm 2024 ở mức 934 tỷ đồng (giảm 10% so với cùng kỳ), thấp hơn KHKD của Công ty đề ra ở mức 1.030 tỷ đồng (không đổi so với cùng kỳ).

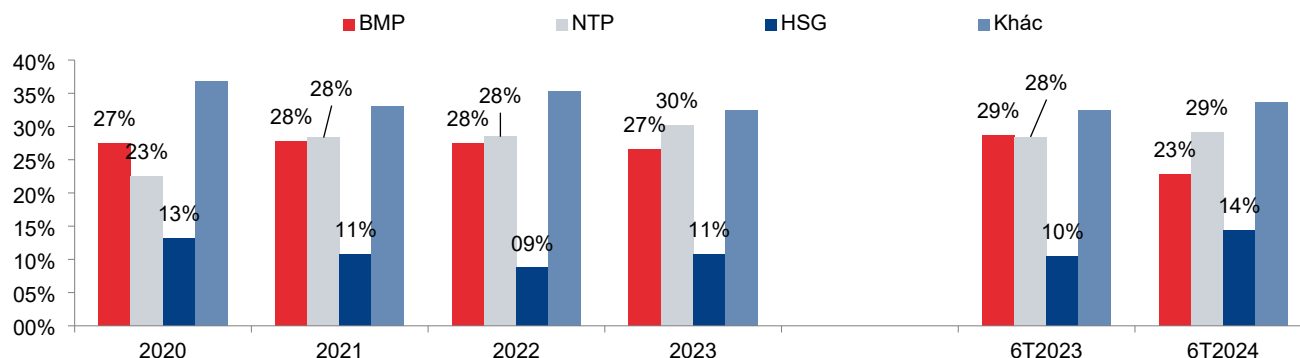
Duy trì khuyến nghị Nắm giữ, giữ nguyên giá mục tiêu và dự báo lợi nhuận

Mặc dù dự báo nhu cầu sẽ phục hồi trong nửa cuối năm 2024, HSC vẫn giữ quan điểm thận trọng về triển vọng lợi nhuận trong dài hạn trong bối cảnh Công ty đang đánh mất thị phần. Ở giai đoạn này, chúng tôi giữ nguyên dự báo lợi nhuận thuần tăng trưởng với tốc độ CAGR giai đoạn 2024-2026 ở mức -10%.

BMP đang giao dịch với P/E dự phóng năm 2024 ở mức 8,8 lần, thấp hơn so với bình quân 7 năm ở mức 9,4 lần. Lợi suất cổ tức duy trì ở mức cao 12% trong 12 tháng tới và 10% trong năm tiếp theo. Tuy nhiên, do triển vọng lợi nhuận kém hấp dẫn và khả năng mất thêm thị phần, chúng tôi duy trì khuyến nghị Nắm giữ đối với BMP với giá mục tiêu không đổi ở mức 97.100đ (tiềm năng tăng giá 4%).

Biểu đồ 2: Thị phần ống nhựa, Việt Nam

Thị phần của BMP đã giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 5 năm qua



Nguồn: Các công ty, HSC

Bảng 3: KQKD Q2/2024, BMP

Chúng tôi nhận thấy lợi nhuận Q2/2024 đã phục hồi ổn định, nhưng vẫn chậm hơn so với các công ty cùng ngành do chiến lược giá bán cao cấp của BMP

Tiêu chí	Q2/2023	Q1/2024	Q2/2024	% so với cùng kỳ	% so với quý trước	6T2023	6T2024	% so với cùng kỳ
Sản lượng tiêu thụ (tấn)	22,701	16,010	19,696	-13.2%	23.0%	46,910	35,706	-23.9%
Giá bán bình quân (triệu đồng/tấn)	58.9	62.6	58.5	-0.5%	-6.5%	59.2	60.4	2.0%
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	1,336	1,003	1,153	-13.7%	15.0%	2,776	2,156	-22.3%
Lợi nhuận thuần (tỷ đồng)	295	190	280	-4.9%	47.6%	575	470	-18.3%
Tỷ suất lợi nhuận thuần (%)	22.0%	18.9%	24.3%			20.7%	21.8%	

Nguồn: HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	5,808	5,157	4,875	5,118	5,482
Lợi nhuận gộp	1,608	2,116	2,009	1,898	1,927
Chi phí BH&QL	(632)	(783)	(814)	(829)	(915)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	975	1,333	1,195	1,069	1,012
Lãi vay thuần	(102)	(27.1)	(22.5)	(45.9)	(58.5)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	(4.94)	(2.13)	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	3.26	3.12	2.95	3.10	3.32
LNTT	871	1,307	1,175	1,026	957
Chi phí thuế TNDN	(177)	(266)	(241)	(210)	(196)
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	694	1,041	934	816	761
Lợi nhuận thuần ĐC	694	1,041	934	816	761
EBITDA ĐC	1,146	1,506	1,371	1,250	1,200
EPS (đồng)	8,481	12,717	11,412	9,964	9,292
EPS ĐC (đồng)	8,481	12,717	11,412	9,964	9,292
DPS (đồng)	8,400	12,650	11,000	9,500	9,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	81.9	81.9	81.9	81.9	81.9
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	81.9	81.9	81.9	81.9	81.9
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	81.9	81.9	81.9	81.9	81.9

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	359	821	675	629	613
Đầu tư ngắn hạn	965	1,190	1,121	1,126	1,096
Phải thu khách hàng	279	174	311	330	355
Hàng tồn kho	577	364	487	512	548
Các tài sản ngắn hạn khác	36.0	44.2	41.8	43.9	47.0
Tổng tài sản ngắn hạn	2,215	2,594	2,637	2,640	2,660
TSCĐ hữu hình	386	292	163	92.0	64.0
TSCĐ vô hình	7.20	5.91	4.99	5.60	7.09
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00
Đầu tư vào Cty LD,LK	64.4	62.3	62.3	62.3	62.3
Tài sản dài hạn khác	370	299	341	358	384
Tổng tài sản dài hạn	830	661	574	520	519
Tổng cộng tài sản	3,045	3,255	3,211	3,160	3,179
Nợ ngắn hạn	55.2	55.2	52.2	53.7	54.8
Phả trả người bán	91.4	154	146	167	185
Nợ ngắn hạn khác	188	202	191	200	214
Tổng nợ ngắn hạn	403	546	521	556	592
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	423	565	541	575	611
Vốn chủ sở hữu	2,621	2,690	2,670	2,585	2,568
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	2,621	2,690	2,670	2,585	2,568
Tổng nợ phải trả và VCSH	3,045	3,255	3,211	3,160	3,179
BVPS (đ)	32,021	32,857	32,619	31,583	31,375
Nợ thuần*/(tiền mặt)	(303)	(766)	(623)	(575)	(559)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	975	1,333	1,195	1,069	1,012
Khấu hao	(170)	(172)	(177)	(181)	(188)
Lãi vay thuần	(102)	(27.1)	(22.5)	(45.9)	(58.5)
Thuế TNDN đã nộp	(131)	(147)	(241)	(210)	(196)
Thay đổi vốn lưu động	(59.9)	461	(211)	(17.3)	(0.30)
Khác	121	54.0	62.4	83.2	92.9
LCT thuần từ HKKD	799	1,623	786	882	853
Đầu tư TS dài hạn	(70.0)	(77.7)	(67.8)	(110)	(162)
Góp vốn & đầu tư	(922)	(1,715)	(68.8)	4.87	(29.7)
Thanh lý	797	-	46.2	(23.0)	3.11
Khác	50.0	106	115	98.7	96.4
LCT thuần từ HĐĐT	(145)	-	24.8	(29.4)	(91.8)
Cổ tức trả cho CSH	(467)	(966)	(954)	(900)	(778)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(2.11)	0.01	(3.01)	1.58	1.07
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(469)	(966)	(957)	(899)	(777)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	173	359	821	675	629
LCT thuần trong kỳ	186	-	(146)	(46.7)	(15.2)
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.02	0.01	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	359	-	675	629	613
Dòng tiền tự do	729	1,545	718	772	692

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	27.7	41.0	41.2	37.1	35.2
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	19.7	29.2	28.1	24.4	21.9
Tỷ suất LNT (%)	12.0	20.2	19.2	15.9	13.9
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.3	20.4	20.5	20.5	20.5
Tăng trưởng doanh thu (%)	27.6	(11.2)	(5.47)	5.00	7.10
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	118	31.4	(8.93)	(8.86)	(3.97)
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	224	49.9	(10.3)	(12.7)	(6.75)
Tăng trưởng EPS (%)	224	49.9	(10.3)	(12.7)	(6.75)
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	224	49.9	(10.3)	(12.7)	(6.75)
Tăng trưởng DPS (%)	223	50.6	(13.0)	(13.6)	(5.26)
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	99.0	99.5	96.4	95.3	96.9
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.3	39.2	34.9	31.0	29.5
ROACE (%)	39.4	49.8	44.3	40.4	39.0
Vòng quay tài sản (lần)	1.97	1.64	1.51	1.61	1.73
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	0.82	1.22	0.66	0.82	0.84
Số ngày tồn kho	50.1	43.7	62.1	58.0	56.3
Số ngày phải thu	24.2	20.9	39.6	37.4	36.5
Số ngày phải trả	7.94	18.5	18.6	19.0	19.0
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(11.4)	(26.5)	(21.5)	(20.2)	(19.6)
Nợ/tài sản (%)	1.92	3.31	3.17	3.35	3.48
EBIT/lãi vay (lần)	9.53	49.3	53.1	23.3	17.3
Nợ/EBITDA (lần)	0.05	0.07	0.07	0.08	0.09
Chỉ số TT hiện thời (lần)	5.49	4.75	5.06	4.75	4.50
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.09	1.10	1.20	1.16	1.09
EV/EBITDA ĐC (lần)	5.54	3.76	4.28	4.73	4.96
P/E (lần)	11.0	7.31	8.15	9.33	10.0
P/E ĐC (lần)	11.0	7.31	8.15	9.33	10.0
P/B (lần)	2.90	2.83	2.85	2.94	2.96
Lợi suất cổ tức (%)	9.03	13.6	11.8	10.2	9.68

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn